

Số: 34 /2023/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường
nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm
2017;
Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm
bồi thường của Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp Quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước
về công tác bồi thường nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp Quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại
thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1799/TTr-STP
ngày 14 tháng 6 năm 2023 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp
thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế phối hợp thực hiện
công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Cục Trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL, Cục BTNN) (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STP (02). (5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Khánh



QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 317/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm
2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp trong quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp;

b) Các cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 33 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

c) Tòa án nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Tòa án nhân dân cấp huyện);

d) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện);

đ) Công an tỉnh; Công an các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Công an cấp huyện);

e) Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện);

g) Bảo hiểm xã hội tỉnh; Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Bảo hiểm xã hội cấp huyện);

h) Sở Tài chính;

i) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Chủ động, chặt chẽ, kịp thời, đúng quy trình, thủ tục trong quá trình phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước. Xác định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị và quy định của pháp luật. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Đối với việc giải quyết các hồ sơ cụ thể cần có sự phối hợp thì cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin cho nhau bằng văn bản.

2. Cơ quan chủ trì tổ chức họp liên ngành theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

3. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành định kỳ hoặc đột xuất.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 4. Phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

Việc hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước được thực hiện bằng văn bản trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đề nghị hướng dẫn.

1. Cơ quan đề nghị hướng dẫn có văn bản đề nghị gửi đến Sở Tư pháp, trong đó văn bản đề nghị phải tóm tắt nội dung vụ việc, quan điểm của mình đối với vụ việc, nội dung lấy ý kiến và cung cấp các thông tin, tài liệu kèm theo.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó phải nêu rõ căn cứ pháp luật, nội dung hướng dẫn và gửi công văn trả lời theo đúng thời hạn nêu trong văn bản đề nghị hướng dẫn.

Điều 5. Phối hợp xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước

1. Việc phối hợp xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2018/NĐ-CP) được thực hiện bằng hình thức tổ chức cuộc họp liên ngành.

a) Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Chủ trì cuộc họp với các cơ quan có liên quan để xác định cơ quan giải quyết bồi thường, bao gồm: chuẩn bị tài liệu cuộc họp, gửi giấy mời, tài liệu cho các cơ quan phối hợp. Kết thúc cuộc họp, công bố và gửi biên bản cho các cơ quan tham gia cuộc họp. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả cuộc họp.



- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp các cơ quan thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường.

- Trong trường hợp các cơ quan không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định một trong số các cơ quan liên quan là cơ quan giải quyết bồi thường; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định được cơ quan giải quyết bồi thường.

b) Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp tham gia cuộc họp

- Cử đại diện theo đúng yêu cầu.

- Đại diện được cử có trách nhiệm chuẩn bị ý kiến góp ý và tài liệu theo yêu cầu của Sở Tư pháp, ký biên bản sau khi kết thúc cuộc họp.

2. Việc phối hợp xác định cơ quan giải quyết bồi thường quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP được thực hiện bằng hình thức văn bản

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người yêu cầu bồi thường, Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành văn bản trao đổi với các cơ quan có liên quan đến vụ việc yêu cầu bồi thường để thống nhất cơ quan giải quyết bồi thường; gửi hồ sơ cho cơ quan giải quyết bồi thường khi xác định được cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết bồi thường.

b) Các cơ quan có liên quan đến vụ việc yêu cầu bồi thường có trách nhiệm trả lời đúng nội dung và gửi văn bản đúng thời hạn theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 6. Phối hợp hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

Trong trường hợp cần thống nhất nội dung hướng dẫn, Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều này để hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước. Việc phối hợp được thực hiện thông qua trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp liên ngành.

1. Trường hợp việc phối hợp được thực hiện thông qua trao đổi ý kiến bằng văn bản

a) Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Chuẩn bị tài liệu, tóm tắt nội dung vụ việc, trong đó nêu rõ vấn đề cần hướng dẫn, quan điểm của mình đối với vụ việc, thời hạn có ý kiến đối với các cơ quan được đề nghị phối hợp.

- Gửi các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc cho cơ quan được đề nghị phối hợp.

- Ban hành văn bản hướng dẫn người bị thiệt hại sau khi thống nhất được nội dung hướng dẫn giữa các cơ quan.

b) Các sở, ban, ngành; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Công an tỉnh quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng

Bộ Tư pháp Quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2019/TT-BTP) có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời đúng nội dung đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Trường hợp việc phối hợp được thực hiện thông qua tổ chức hợp liên ngành

a) Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Chuẩn bị tài liệu và chủ trì cuộc họp. Tài liệu cuộc họp phải tóm tắt được nội dung vụ việc, vấn đề cần hướng dẫn, quan điểm của mình đối với vụ việc và gửi trước cho các cơ quan, đơn vị được mời tham gia cuộc họp.

- Sau khi kết thúc cuộc họp, công bố và gửi biên bản cuộc họp cho các cơ quan tham gia cuộc họp.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thống nhất được nội dung hướng dẫn giữa các cơ quan, ban hành văn bản hướng dẫn người bị thiệt hại.

b) Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Công an tỉnh quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2019/TT-BTP

- Cử đại diện tham gia cuộc họp đúng yêu cầu.

- Đại diện được cử có trách nhiệm chuẩn bị ý kiến, tài liệu theo đề nghị của Sở Tư pháp, ký biên bản cuộc họp.

Điều 7. Phối hợp theo dõi công tác bồi thường nhà nước

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh là cơ quan giải quyết bồi thường hoặc là bị đơn, bị đơn dân sự, người bị kiện trong vụ án dân sự, vụ án hình sự hoặc vụ án hành chính có nội dung giải quyết bồi thường.

b) Yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo về việc giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 73 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

2. Cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm gửi báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp theo các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản sau đây: Bản án, quyết định về việc giải quyết yêu cầu bồi thường của Nhà nước; thông báo thụ lý hồ sơ, thông báo không thụ lý hồ sơ, văn bản cử người tham gia giải quyết bồi thường; quyết định hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường; quyết định hoãn giải quyết bồi thường; quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết bồi thường; quyết định hoàn trả và các văn bản khác có liên quan đến vụ việc bồi thường.

Điều 8. Phối hợp đơn đốc công tác bồi thường nhà nước



Việc phối hợp đơn đốc công tác bồi thường nhà nước được thực hiện bằng văn bản.

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đơn đốc. Văn bản đề nghị phải nêu rõ căn cứ pháp luật và nhiệm vụ công tác bồi thường nhà nước cần đơn đốc thực hiện.

2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đơn đốc có trách nhiệm

a) Trường hợp thống nhất với đề nghị của Sở Tư pháp thì ban hành văn bản đơn đốc và gửi ngay văn bản đơn đốc cho cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây ra thiệt hại, Sở Tư pháp và các cơ quan phối hợp việc đơn đốc.

b) Trường hợp không đồng ý với đề nghị việc đơn đốc của Sở Tư pháp, phải có văn bản phản hồi và nêu rõ quan điểm, lý do không nhất trí với đề nghị đơn đốc của Sở Tư pháp.

Điều 9. Phối hợp thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp, các cơ quan thành viên Đoàn kiểm tra, cơ quan thuộc đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm thực hiện phối hợp kiểm tra theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp Quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2019/TT-BTP).

2. Khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bồi thường nhà nước, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành thanh tra theo đúng quy định pháp luật về thanh tra và pháp luật có liên quan.

3. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật có liên quan.

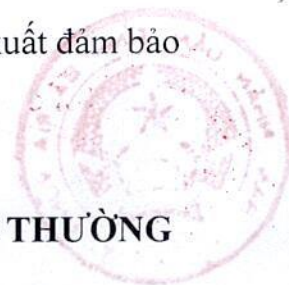
Điều 10. Phối hợp trong thực hiện báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước

Việc phối hợp thực hiện báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước được thực hiện bằng hình thức ban hành văn bản.

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thực hiện giải quyết bồi thường hoặc các cơ quan này là bị đơn, bị đơn dân sự hoặc người bị kiện trong các vụ án dân sự, vụ án hình sự, vụ án hành chính có nội dung giải quyết bồi

thường có trách nhiệm thực hiện báo cáo, thống kê định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo nội dung và thời hạn theo yêu cầu của Sở Tư pháp.



Chương III

NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Điều 11. Phối hợp xác minh thiệt hại

1. Trách nhiệm của cơ quan giải quyết bồi thường

a) Lấy ý kiến bằng văn bản về thiệt hại, mức bồi thường của cơ quan chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực có liên quan đến các thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường yêu cầu; cơ quan tài chính có thẩm quyền; chuyên gia về ngành, lĩnh vực có liên quan đến thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường yêu cầu và mức yêu cầu bồi thường đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

b) Đề nghị Sở Tư pháp, Sở Tài chính tham gia vào việc xác minh thiệt hại đối với những vụ việc phức tạp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Sở Tài chính; tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường, Sở Tư pháp, Sở Tài chính có trách nhiệm cử đại diện tham gia vào việc xác minh thiệt hại đối với các vụ việc phức tạp.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan giải quyết bồi thường.

Điều 12. Phối hợp thương lượng bồi thường

Cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức việc thương lượng theo quy định tại khoản 3, khoản 6 và khoản 7 Điều 46 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Điều 13. Phối hợp chi trả tiền bồi thường

1. Trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách tỉnh

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường hoặc bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết yêu cầu bồi thường có hiệu lực pháp luật, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại gửi hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường đến Sở Tài chính thẩm định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường trong trường hợp có căn cứ rõ ràng cho rằng hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 62 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 hoặc mức bồi thường không đúng quy định của pháp luật.



c) Gửi giấy tờ, tài liệu có liên quan đến việc chi trả tiền bồi thường cho Sở Tài chính sau khi đã thực hiện chi trả tiền bồi thường cho người bị thiệt hại.

d) Thông báo cho Sở Tư pháp tình hình chi trả tiền bồi thường.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Thực hiện cấp phát kinh phí bồi thường cho cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây ra thiệt hại trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường.

b) Phối hợp với cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại hoàn thiện hồ sơ, cấp phát kinh phí bồi thường trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Phối hợp với cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 14. Phối hợp xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

Công tác phối hợp xác định trách nhiệm hoàn trả được thực hiện thông qua việc thành lập và hoạt động của Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với vụ việc bồi thường nhà nước có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan khác nhau gây thiệt hại.

1. Cơ quan đã chi trả tiền bồi thường thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả, tổ chức phương thức làm việc của Hội đồng theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan tham gia thành viên Hội đồng có trách nhiệm cử đại diện tham gia Hội đồng đúng thành phần, trình bày ý kiến tại các cuộc họp, ký biên bản cuộc họp của Hội đồng và thực hiện các nhiệm vụ phối hợp khác quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm chung

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
2. Chủ động tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
3. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp.

3. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Tham gia thương lượng đối với tất cả các vụ việc yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết bồi thường trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho đội ngũ công chức phụ trách công tác bồi thường nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong vụ việc bồi thường nhà nước tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 mà không ra quyết định hủy.

7. Chủ động kiến nghị Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xem xét lại quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả trong trường hợp quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả không phù hợp với quy định tại Điều 65 và Điều 66 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

8. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế; rút ra bài học kinh nghiệm; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện

1. Tòa án nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án trên địa bàn tỉnh.

2. Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện là cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

3. Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự trên địa bàn tỉnh.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia thương lượng việc bồi thường với tư cách là thành phần bắt buộc trong trường hợp vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện là cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

4. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an tỉnh, Công an cấp huyện

1. Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự, thi hành án hình sự, quản lý hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Công an tỉnh chỉ đạo cơ quan Công an cấp huyện nơi tổ chức buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

3. Công an tỉnh, Công an cấp huyện là cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

4. Công an tỉnh, Công an cấp huyện trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện

1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện là cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

3. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội cấp huyện

1. Sau khi nhận được quyết định hoàn trả của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, cơ quan Bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại đã nghỉ hưu tiến hành thu tiền hoàn trả của người này; nộp đầy đủ, kịp thời tiền hoàn trả vào ngân sách nhà nước.

2. Tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là cơ quan đang chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hàng năm, căn cứ thực tế số tiền bồi thường, chi phí cho việc định giá tài sản, giám định thiệt hại đã cấp phát của năm trước, Sở Tài chính lập dự toán kinh phí bồi thường của cơ quan giải quyết bồi thường được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Cấp phát kịp thời và đầy đủ kinh phí bồi thường.

3. Tham gia thương lượng việc bồi thường với tư cách là thành phần được cơ quan giải quyết bồi thường mời trong trường hợp cần thiết.

Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân quy định tại điểm b, điểm i khoản 2 Điều 1 Quy chế này

1. Thực hiện trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan với vai trò là cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Gửi cho Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này trong trường hợp là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

3. Cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại; cho ý kiến về thiệt hại, mức bồi thường theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường.

4. Tham gia thành phần thương lượng việc bồi thường trong trường hợp cần thiết với tư cách là thành viên được cơ quan giải quyết bồi thường mời.

5. Cử đại diện tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả trong trường hợp là cơ quan có liên quan đến việc gây thiệt hại.

6. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.